

Bản án số: **84/2020/HS-ST**

Ngày: 09 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Hạnh

2. Ông Nguyễn Đình Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa: Ông Tạ Văn Phú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2020/TLST – HS ngày 11 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Đình N (tên gọi khác: Tùng), sinh năm 1988, tại Đăk Lăk; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12; con ông Huỳnh C, sinh năm 1958 và bà Võ Thị T, sinh năm 1967; Có 01 con ruột sinh năm 2017. HKTT: Thôn 7, xã H, huyện K, tỉnh Đ. Tiền sự: Không; Tiền án có 03 tiền án:

Ngày 19/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo án án số 157/2014/HSST. Chưa được xóa án tích.

Ngày 16/3/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo án án số 06/2017/HSST. Chưa được xóa án tích.

Ngày 04/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù của bản án số 06/2017/HSST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 03 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo án án số 33/2017/HSST. Chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

Ngày 06/11/2012, bị Công an phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk xử ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo quyết định số 003902/ĐQ-XPHC. Đã chấp hành xong.

Ngày 10/2/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo án án số 27/2010/HSST. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Đình P, sinh năm 2001, tại Đắc Lắc; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; con ông Huỳnh Đình T, sinh năm 1975 và bà Đình Thị Ngọc T, sinh năm 1978; Có 02 em ruột, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015; có vợ Lê Thị T Tr, sinh năm 2001; có 01 con ruột sinh năm 2019. Nơi thường trú: HKTT: Thôn 7, xã H, huyện K, tỉnh Đ. Tiền sự; Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

- Ông Phạm Văn K, sinh năm 1972; bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (vợ ông K).Trú tại: Ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh B. (có mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn T H, sinh năm 1970; Trú tại: Khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh B (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 00 phút ngày 16/7/2020, N điều khiển xe mô tô biển số: 93T6 - 8773, chở P đi từ huyện Bù Đăng về hướng thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tìm nhà dân có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến ấp 4, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, N nhìn thấy nhà anh Phạm Văn K khóa cửa, không có người trông coi nên dừng xe để P đứng ngoài canh giới, còn N đi bộ ra phía sau nhà, đột nhập vào bên trong nhà anh K lấy số tiền 1.200.000 đồng, 01 dây chuyền vàng; 01 nhẫn vàng; 01 đôi bông tai màu vàng cất giấu trong người. Tiếp đó, N đi vào phòng ngủ thấy 01 két sắt nên đi ra phía sau nhà lấy 01 xà beng và 01 thót gỗ để cạy phá két sắt để chiếm đoạt tài sản bên trong, N lật két sắt nằm xuống, dùng xà beng và thót phá cửa két sắt nhưng không được nên bỏ đi ra ngoài, chở P về huyện Bù Đăng.

Trên đường về N dừng xe nói P đi mua nước, N kiểm tra lại tài sản chiếm đoạt, P hiện 01 bông tai màu vàng là giả nên vứt bên lề đường, rồi tiếp tục đi về phòng trọ của N tại khu phố Đức Thọ, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng. Về đến phòng trọ, N lấy số tiền 1.200.000 đồng chiếm đoạt được, chia cho P số tiền 400.000 đồng, số tiền còn lại N tiêu xài cá nhân, riêng số vàng gồm 01 dây chuyền, 01 nhẫn vàng N giấu không cho P biết.

Ngày 17/7/2020, N đưa 01 sợi dây chuyền vàng cho Nguyễn Thị N (sống chung như vợ chồng với N) đem ra tiệm vàng “Kim Mai” tại thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng do Nguyễn T H làm chủ bán được 4.850.000 đồng, số tiền bán vàng được N tiêu xài cá nhân hết 1.850.000 đồng, còn 3.000.000 đồng và 01 nhẫn vàng N cất giữ.

Qua trình báo của người bị hại, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú tiến hành xác minh và mời Huỳnh Đình N và Huỳnh Đình P về trụ sở. Qua làm việc, N, P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ bản Kết luận giám định số 3824/C09B ngày 18/8/2020 của Phân viện K học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Một nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính nhiều hạt đá màu trắng, trong đó có ký hiệu “KHL”, khối lượng (bao gồm đá) là 4,0438 gam. Được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng 59,14%.

Một dây chuyền kim loại màu vàng, dạng mắt xích có gắn mặt dây chuyền hình bông hoa năm cánh, đính nhiều viên đá màu trắng, có ký hiệu “TD610”, tổng khối lượng (bao gồm cả mặt dây chuyền và đá) là 8,0234 gam. Được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng 61,05%.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 91/KL – HDDG ngày 23/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đồng Phú kết luận:

Một nhẫn vàng, mặt nhẫn có đính nhiều hạt đá màu trắng, trong đó có ký hiệu “KHL”, có khối lượng vàng (không bao gồm đá) là 3,5625 gam. Loại vàng 14K, trọng lượng 0,9 chỉ. Có giá trị là 2.457.000 đồng.

Một sợi dây chuyền vàng, dạng mắt xích có gắn mặt dây chuyền hình bông hoa năm cánh trên có đính nhiều viên đá màu trắng, có ký hiệu “TD610”, có khối lượng vàng (không bao gồm đá) là 7,6125 gam. Loại vàng 14K, trọng lượng 02 chỉ. Có giá trị là 5.460.000 đồng.

Một két sắt bằng kim loại (két sắt), có kích thước (0,61m x 0,55m x 0,43m), cánh cửa két có kích thước (0,4m x 0,34m), vị trí mép cửa bị móp méo biến dạng. Trên cánh cửa két sắt có dòng chữ “LOIPHAT HOME FURNITURE” và dòng chữ “FIRE RESISTANT SAFE”. Có giá trị là 1.800.000 đồng (Hội đồng xác định giá trị còn lại của tài sản là 40% giá mua).

Cáo trạng số 83 ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú truy tố bị cáo Huỳnh Đình N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Huỳnh Đình P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Huỳnh Đình N, Huỳnh Đình P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; các Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Huỳnh Đình N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i Điều 51; các Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Huỳnh Đình P từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo N phải bồi thường cho anh Nguyễn T H số tiền 4.850.000 đồng

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Phạm Văn K: 01 sợi dây chuyền vàng; 01 nhẫn vàng và đề nghị xử lý vật chứng khác trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Không xem xét hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo N và P thực hiện trên địa bàn huyện Bù Gia Mập, Phước Long và các vật chứng liên quan vì chưa được xác minh làm rõ.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, khẳng định là việc truy tố là đúng người đúng tội, không oan sai.

Trong phần tranh luận, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước công bố bản luận tội, bị cáo Huỳnh Đình N và Huỳnh Đình P không có tranh luận gì về phần tội danh mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành Tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định trên. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định Điều 292, 293 Bộ luật hình sự và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của các đương sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Vào ngày 16/7/2020, Huỳnh Đình N rủ Huỳnh Đình P đi trộm cắp tài sản. P đứng canh giới ở bên ngoài, còn N đã đột nhập vào bên trong nhà anh Nguyễn Tiến K lấy số tiền 1.200.000 đồng, 01 dây chuyền vàng; 01 nhẫn vàng; 01 đôi bông tai màu vàng (vàng giả) cất giấu trong người. Tiếp đó, N đi vào phòng ngủ thấy 01 két sắt nên đi ra phía sau nhà lấy 01 xà beng và 01 thớt gỗ để cạy phá két sắt để chiếm đoạt tài sản bên trong nhưng không phá được nên đã bỏ đi. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt được theo kết luận định giá tài sản là 9.117.000 đồng. Hành vi của bị cáo Huỳnh Đình P đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Riêng bị cáo Huỳnh Đình N, do bị cáo đã có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi “trộm cắp tài sản” và đủ yếu tố cấu thành tội phạm như phân tích ở trên. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” và là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ ngoài ra còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[3] Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị. Song vì động cơ tư lợi cá nhân, mục đích để có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi như đã phân tích ở trên.

Về vai trò của các bị cáo: bị cáo Huỳnh Đình N là người đầu tiên khởi xướng rủ rê lôi kéo bị cáo P và là người thực hành một cách tích cực nhất thể hiện ở việc bị cáo là người đột nhập vào nhà của bị hại Nguyễn Tiến K để lục tìm và lấy trộm tài sản. Bản thân bị cáo đã từng có 03 tiền án cũng về tội trộm cắp tài sản cụ thể: Ngày 19/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo án án số 157/2014/HSST; Ngày 16/3/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo án án số 06/2017/HSST; Ngày 04/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 02 năm tù của bản án số 06/2017/HSST ngày 16/3/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 03 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo án án số 33/2017/HSST. Chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. bị cáo N còn có nhân thân không tốt cụ thể: Ngày 06/11/2012, bị Công an phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo quyết định số 003902/ĐQ-XPHC. Đã chấp hành xong; Ngày 10/2/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo án án số 27/2010/HSST. Đã được xóa án tích. Lẽ ra, trong thời chấp hành án tù bị cáo phải nhận thấy sai lầm của bản thân để sống tốt hơn nhưng trái lại lại tiếp tục con đường phạm tội bị cáo, thể hiện sự coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Huỳnh Đình P, khi nghe bị cáo N rủ đi trộm cắp, lẽ ra bị cáo phải can ngăn hoặc báo với chính quyền địa phương để ngăn chặn hành vi phạm tội nhưng bị cáo lại đồng ý và cùng bị cáo N thực hiện hành vi thể hiện ở việc bị cáo đứng bên ngoài cảnh giới cho N và cùng sử dụng số tiền trộm cắp được. Hành vi của bị cáo P là đồng phạm cùng với bị cáo N trong vụ “Trộm cắp tài sản” và phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình nhưng nhẹ hơn bị cáo N.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là đều anh em của nhau và cùng đang có con còn nhỏ; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại để khắc phục hậu quả và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt tại phiên tòa; có trình độ văn hóa thấp (0/12 và 8/12); Riêng bị cáo

P có tình tiết phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú truy tố các bị cáo Huỳnh Đình N và Huỳnh Đình P phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại và gia đình các bị cáo giải quyết xong về bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý trả lại cho ông Nguyễn T H số tiền là 4.850.000 đồng (tiền ông H mua vàng của bị cáo) nên được ghi nhận, được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo N và gia đình đã nộp tại Tòa án.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 3.000.000 đồng thu được trên người của Huỳnh Đình N. Đây là số tiền mà bị cáo trộm cắp mà có nên cần tuyên quản thủ để đảm bảo thi hành án

Đối với 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính nhiều hạt đá màu trắng, trong nhẫn có ký hiệu “KHL”; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng mắt xích, dây chuyền có mặt bằng bông hoa năm cánh, trên dây chuyền có ký hiệu “TD610”, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại Phạm Thị T nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bà T.

Đối với 01 đôi bông tai màu vàng N vút bên lề đường, không xác định được vị trí. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa bị hại Phạm Thị T xác nhận đôi bông tai màu vàng là giả, không có giá trị sử dụng, không yêu cầu nên Hội Đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với: 01 mũ bảo hiểm màu xám, trên mũ có dòng chữ “nón sơn”; 01 cái áo khoác dài tay màu xanh đen, có mũ trùm đầu; 01 quần Jean màu xanh, phần lưng phía sau có dòng chữ “Acura Denim”; 01 đôi dày vải màu đen, mặt trên của từng chiếc giày có chữ “Nike”; 01 kệ bằng kim loại màu xám là tài sản của bị cáo Huỳnh Đình N. 01 áo khoác bằng vải màu vàng đen, có nhiều hoa văn, áo có mũ trùm đầu; 01 quần Jean màu xanh bạc hiệu “HKP”; 01 khẩu trang vải màu tím; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen hiệu “Under Armour”; 01 đôi giày vải màu xanh viền đế trắng, ký hiệu “Nike” size 42; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, trên mũ có dòng chữ “nón sơn”; 01 đôi găng tay vải màu đen là tài sản của bị cáo Huỳnh Đình P . Tại phiên tòa các bị cáo xác định không còn giá trị sử dụng và không yêu cầu nhận lại nên cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter, biển số 93T6 – 8773, N và P

sử dụng làm phương tiện để trộm cắp, chưa làm rõ được chủ sở hữu, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú nên tách ra tiếp tục xử lý sau nên Hội Đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 đồng hồ đeo tay, không rõ nhãn hiệu, loại dùng cho N, màu vàng; 01 đồng hồ đeo tay, không rõ nhãn hiệu, loại dùng cho nữ, màu vàng; 01 cục sạc dự phòng màu xanh không rõ nhãn hiệu và 01 cục pin điện thoại không rõ nhãn hiệu. Theo lời khai của các bị cáo đây là tài sản mà các bị cáo thực hiện trong 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Bù Gia Mập; Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú đã có công văn đề nghị công an huyện Bù Gia Mập phối hợp điều tra xử lý theo thẩm quyền và đã tách ra khỏi vụ án. Viện kiểm sát không đề nghị xem nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 máy phun sương hiệu SACOMMEA PT-03; 01 máy phun sương hiệu FOG MACHINE; 01 máy ép NILON màu trắng xanh hiệu Cường P; 01 máy bằng kim loại màu bạc, không nhãn hiệu, bên trên có quai xách; 01 xà beng bằng kim loại dài 77cm, một đầu dẹp, một đầu cong dùng để nhỏ đinh thu giữ của Huỳnh Đình N. Qua làm việc, N khai nhận cùng P thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú đã có công văn đề nghị phối hợp điều tra xử lý theo thẩm quyền, tách ra khỏi vụ án; Viện kiểm sát không đề nghị xem xét nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi N dùng xà beng và thớt gỗ cạy phá làm hư hỏng kết sắt nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản nhưng không thực hiện được. Qua định giá, kết sắt có giá trị là 1.800.000 đồng nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản” quy định tại Điều 178 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát không cập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Thị Nguyên (vợ của bị cáo N) có hành vi đi bán dây chuyền cho N nhưng không biết là tài sản trộm cắp mà có; Nguyễn T H (chủ tiệm vàng Kim Mai) có hành vi mua dây chuyền của Nguyên nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có. Hành vi của Nguyên và H không cấu thành tội phạm do Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự các bị cáo phải chịu theo Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Đình N, Huỳnh Đình P phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Huỳnh Đình N **03 năm (ba năm) tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 18/7/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Đình P **06 tháng (Sáu tháng) tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 18/7/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn T H số tiền là 4.850.0000 đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp tại Tòa án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên quản thủ số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Huỳnh Đình N để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại cho bị hại Phạm Thị T 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có đính nhiều hạt đá màu trắng, trong nhẫn có ký hiệu “KHL”; 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng mắt xích, dây chuyền có mặt bằng bông hoa năm cánh, trên dây chuyền có ký hiệu “TD610”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng: 01 mũ bảo hiểm màu xám, trên mũ có dòng chữ “nón sơn”; 01 cái áo khoác dài tay màu xanh đen, có mũ trùm đầu; 01 quần Jean màu xanh, phần lưng phía sau có dòng chữ “Acura Denim”; 01 đôi dày vải màu đen, mặt trên của từng chiếc giày có chữ “Nike”; 01 kệ bằng kim loại màu xám; 01 áo khoác bằng vải màu vàng đen, có nhiều hoa văn, áo có mũ trùm đầu; 01 quần Jean màu xanh bạc hiệu “HKP”; 01 khẩu trang vải màu tím; 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen hiệu “Under Armour”; 01 đôi giày vải màu xanh viền đế trắng, ký hiệu “Nike” size 42; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, trên mũ có dòng chữ “nón sơn”; 01 đôi găng tay vải màu đen.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc Huỳnh Đình N, Huỳnh Đình P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Huỳnh Đình N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

